

HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở VIỆT NAM

PGS TS Nguyễn Hữu Hùng

Tóm tắt: Giới thiệu khái niệm không gian thông tin và không gian thông tin KH&CN. Mô tả chi tiết bảy nội dung cốt lõi cần được thực hiện để xây dựng không gian thông tin KH&CN thống nhất ở Việt Nam.

Từ khóa: Không gian thông tin; Không gian thông tin KH&CN; Hệ thống thông tin KH&CN quốc gia; Nguồn lực thông tin KH&CN quốc gia

Formation and development of STI space in Vietnam

Summary: Presents notions of information space and STI space; describes in detail core content to be formed for creating united STI space in Vietnam.

Keywords: Information space; STI space; National system for STI; National STI resources

1. Khái niệm không gian thông tin KH&CN

Khái niệm không gian thông tin (information space) (KGTT) được sử dụng trong việc xây dựng chiến lược và chính sách thông tin (TT) ở nhiều nước. KGTT là cơ sở để phát triển kinh tế-xã hội, văn hóa, chính trị và đảm bảo an ninh quốc gia. Max H. Boisot trình bày KGTT như một phạm trù khung về hệ quan điểm (conceptual framework) và công cụ để khảo cứu về sự vận động của TT và tri thức trong hệ thống xã hội [1].

KGTT thường bao gồm các yếu tố sau đây: Nguồn lực TT; Kết cấu hạ tầng TT; Mạng lưới các tổ chức TT; Thị trường TT; Hệ thống tương tác với quốc tế; Hệ thống luật pháp về TT.

KGTT được xây dựng phù hợp nếu dựa trên quan điểm hệ thống và được coi là có hiệu quả nếu đảm bảo được tính năng động, tương tác mở cho phép thực hiện hài hòa các lợi ích của tất cả các chủ thể nhà nước, xã hội và công dân. KGTT có hiệu quả được hình thành và phát triển trên cơ sở thực thi chính sách TT quốc gia nhằm thúc đẩy xã hội chuyển dịch thành công tới xã hội TT. Hoạt động TT KH&CN ở nước ta đã có lịch sử trên nửa thế kỷ. Tuy nhiên, một KGTT KH&CN thống nhất thực tế chưa được thiết lập. Tuy vậy, để xây dựng KGTT chúng ta có thuận lợi vì đang có được bốn tiền đề sau đây:

- Nhu cầu phát triển trong sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước đòi hỏi phải huy động

Nghiên cứu - Trao đổi

được mọi nguồn lực, trong đó nguồn lực TT là vô cùng quan trọng;

- Đất nước có chương trình và kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ thông tin (CNTT) hướng tới nền kinh tế tri thức;

- Trong nước nhiều năm qua, nhờ sự quan tâm và đầu tư của Nhà nước đã tồn tại và hoạt động một hệ thống TT KH&CN quốc gia;

- Sự phát triển tiếp theo của ngành TT đòi hỏi phải thực hiện chia sẻ các nguồn lực và tương tác TT tích cực giữa các cơ quan TT trong nước và giữa hệ thống TT nước ta với cộng đồng TT quốc tế.

Cũng cần phải nói thêm rằng, trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay và để hình thành nhanh chóng KGTT, hệ thống TT KH&CN quốc gia cần đóng vai trò mới, với tư cách là: nhà cung cấp TT; nhà quản trị nguồn lực TT quốc gia; nhà sản xuất và cung cấp loại hàng hoá xã hội đặc biệt. Thực tế, hiện nay tài sản TT ở trong quốc gia là rất lớn. Nếu những TT này được quản lý tốt, được cung cấp đến tận tay người tiêu dùng cần thiết thì sẽ mang lại rất nhiều lợi ích cho sự phát triển của xã hội. Ngày nay, với cuộc cách mạng về CNTT, nhiệm vụ quản trị TT này đã trở nên dễ được thực thi hơn.

Nói vậy, song ở nhiều nước, trong đó có nước ta, tình hình cát cứ, chia cắt của KGTT đã dẫn đến hiệu quả của hoạt động TT còn thấp, hệ thống TT

nói chung và TT KH&CN nói riêng chưa hoàn thành được các vai trò trên đây, do vậy, TT chưa thật sự có được vị trí cốt yếu trong chiến lược phát triển đất nước.

2. Chiến lược hình thành không gian thông tin KH&CN

Để sớm hình thành KGTT KH&CN thống nhất, trước mắt, chúng tôi khuyến nghị tập trung nguồn lực để thực thi bảy nội dung đột phá chiến lược sau đây:

2.1. Nội dung 1- Củng cố và phát triển hệ thống các cơ quan thông tin KH&CN công lập trọng điểm

Mục tiêu cần đạt tới của chiến lược này là thiết lập một hệ thống các cơ quan TT với những quy mô, lĩnh vực và khả năng khác nhau, với độ bao quát lớn và khả năng tiếp cận ngày càng tăng nhằm tăng số người sử dụng, để có thể đáp ứng yêu cầu hết sức đa dạng của các nhóm người dùng tin (NDT) trọng điểm, hợp lý và tiết kiệm nhất.

Cấu trúc của hệ thống các cơ quan TT bao gồm:

- Các cơ quan TT quốc gia;
- Các cơ quan TT chuyên biệt theo ngành hoặc theo lĩnh vực;
- Các cơ quan TT theo vùng lãnh thổ.

Các cơ quan TT trên được tái thiết kế theo ba mô hình chính sau đây:

- Mô hình hướng tới tài liệu/dữ liệu (Document - Driven Model);

Nghiên cứu - Trao đổi

- Mô hình hướng tới chuyên ngành/chuyên đề (Subject- Driven Model);

- Mô hình hướng tới người sử dụng (User - Driven Model).

Các cơ quan TT này có thể kết nối với các trung tâm TT tại các trường đại học, các tổ chức TT tại các viện khoa học, các doanh nghiệp lớn hiện đang tồn tại. Một cấu trúc như vậy sẽ cho phép các cơ quan TT dễ thích nghi hơn, đáp ứng được yêu cầu của nhiều loại NDT và tối ưu hoá việc đầu tư của Nhà nước cho các đơn vị TT trọng điểm nói riêng và đối với toàn bộ công tác và hoạt động TT nói chung. Trong thời gian tới, khi xem xét phát triển hệ thống TT KH&CN quốc gia theo hướng hiện đại hoá cần quán triệt xu thế tích hợp thể hiện ở bốn mặt sau đây:

- Tích hợp các giá trị TT: Hoạt động TT tạo ra một chuỗi giá trị gia tăng khác nhau. Những giá trị này được tạo ra ở đầu vào, ở quá trình xử lý và quá trình tạo lập các sản phẩm/dịch vụ ở đầu ra. Như vậy, cần phải quản lý TT trong các hệ thống theo quan điểm tích hợp chứ không đơn lẻ theo từng công đoạn nghiệp vụ;

- Tích hợp về chức năng: Các cơ quan TT trong hệ thống hiện nay vẫn chưa vượt khỏi giới hạn hoạt động của một thư viện: chỉ là nơi thu thập, tàng trữ, tìm tin tư liệu. Cơ quan TT ngoài việc là nhà cung cấp TT tư liệu phải là người đánh giá TT, phản biện TT và trợ

giúp TT cho các hoạt động sáng tạo của con người;

- Tích hợp về tổ chức: KGTT trong quốc gia là thống nhất, do vậy, việc chia sẻ và trao đổi TT giữa các đơn vị là cần thiết. Để chia sẻ TT cần một cơ chế và phương tiện hữu hiệu. Phải làm sao để các cơ quan TT trong hệ thống có thể truy cập từ xa tới các TT được lưu giữ ở các loại formats khác nhau (multi-media formats) với cùng một giao diện.

- Tái thiết kế và tái cấu trúc cơ quan TT: Các cơ quan TT trong hệ thống TT quốc gia của ta được thiết kế và trang bị trong hoàn cảnh của tổ chức TT tập trung, theo mô hình phân cấp (hierachy). Trong điều kiện hiện nay, xu thế phân tán trong tổ chức của hệ thống TT KH&CN quốc gia đang được thịnh hành và chứng tỏ đây là mô hình năng động hiệu quả, do vậy, các cơ quan TT của ta trong hệ thống phải được trang bị và cấu trúc lại để thích ứng với môi trường mới- phân tán và chia sẻ TT.

2.2. Nội dung 2- Phối hợp xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin quốc gia

Nguồn lực thông tin (NLTT) quốc gia là toàn bộ phần TT được ghi lại, được kiểm soát và lưu giữ trong quốc gia dưới bất kỳ dạng thức nào. Hiện nay, các tham số về số lượng, chất lượng và khả năng truy cập của NLTT được coi là chỉ tiêu phản ánh trình độ

Nghiên cứu - Trao đổi

phát triển và vị thế của nước đó trong cộng đồng quốc tế. Vì lẽ đó, NLTT phải được coi là tài sản quốc gia.

Hiện tại, phần tài nguyên thông tin này được thể hiện chủ yếu dưới dạng tài liệu trên giấy và dạng số hoá. Để làm được như trên, mỗi cơ quan TT phải có trách nhiệm về phạm vi vốn tài liệu của mình, đặc biệt những cơ quan TT được chuyên biệt hoá phải loại bỏ sự trùng bản không cần thiết và tối đa hoá vốn tài liệu có liên quan đến cả nước. Đặc biệt chú ý đến sự phát triển vốn tài liệu đa ngôn ngữ và vốn tài liệu khu vực nhằm phục vụ nhu cầu của các loại người dùng khác nhau và để hỗ trợ các hoạt động khu vực hoá của Việt Nam.

Để gia tăng nguồn lực TT quốc gia cần:

- Nắm nhu cầu TT của đất nước một cách tổng thể, xác lập danh mục, cơ cấu, thành phần các loại NLTT và pháp lý hóa từng loại nguồn lực;

- Xem xét lại chỗ mạnh, chỗ yếu của vốn tài liệu và hình thành chiến lược phối hợp xây dựng vốn tài liệu quốc gia;

- Xác định diện bổ sung ưu tiên, xây dựng liên hợp nguồn tin KH&CN (Consortium). Thực hiện việc chọn lọc, đánh giá trong khuôn khổ của liên hợp để mua các CSDL nước ngoài trên CD-ROM;

- Mở rộng vốn tài liệu bằng tiếng

Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật,... trong cơ quan TT công lập, trung tâm thông tin tại các trường đại học, cơ quan thông tin tại các viện nghiên cứu và cơ quan thông tin của doanh nghiệp nhằm đảm bảo sự phát triển đúng vốn tài liệu và nhằm hỗ trợ nhu cầu phát triển và hội nhập của đất nước;

- Trao quyền cho mỗi cơ quan TT chịu trách nhiệm về sự chọn lựa vốn tài liệu, đặc biệt những vốn tài liệu đã được chuyên biệt hoá, tránh sự trùng lặp (trùng bản) không cần thiết và tối đa hoá phần vốn tài liệu có tính bao trùm toàn quốc;

- Xác định chiến lược bảo quản và phạm vi các cơ quan TT cần bảo quản và/hoặc giảm bớt phần vốn tài liệu thực tế đã lỗi thời và hết giá trị sử dụng;

- Xác lập các quy chế kiểm soát nguồn tin trong nước;

- Xác lập và ban hành các tiêu chuẩn nghiệp vụ thống nhất.

Đối với một số loại hình tài liệu đặc biệt, thiết lập các kho lưu trữ TT bảo hiểm đáp ứng yêu cầu:

- Thiết lập kho cơ quan TT chung, ở xa khu cơ quan trọng yếu nhất, để tàng trữ các tài liệu lỗi thời còn ít được sử dụng. Bằng cách đó, không gian cơ quan TT sẽ được sử dụng tốt hơn cho bộ sưu tập tài liệu được bổ sung mới;

- Quản lý và tổ chức việc trao đổi các ấn phẩm nhiều bản được rút ra hoặc nhận được từ các cơ quan TT thành viên;

Nghiên cứu - Trao đổi

- Bù lại những chi phí vận hành từ phí các dịch vụ cung cấp cho các cơ quan TT thành viên và cho NDT.

2.3. Nội dung 3- Tạo lập và phát triển một hệ thống thông tin tích hợp được kết nối (Mạng TT KH&CN)

Từ năm 1985, Mason đã tiên đoán về sự nổi lên của tính truy cập TT. Các cơ quan TT sẽ tới ngày xây dựng theo nguyên tắc “ưu tiên truy cập hơn là sở hữu”. Cơ quan TT sẽ chuyển từ “đối phó” (just in case) để có bộ sưu tập lớn tài liệu vật lý sang xử lý linh hoạt (just in time). Trong môi trường tin học hoá các dịch vụ TT-TV đang tăng lên, một số lượng lớn các cơ quan TT chuyển sang sử dụng dạng tài nguyên số (CSDL trực tuyến, đĩa quang,...). Tích cực thực hiện việc tổ chức xây dựng và phát triển hệ quản lý TT-TV tích hợp thông dụng cho các cơ quan TT tham gia vào hệ thống và vận hành trên cùng một nền thiết bị. Cần phát triển các dịch vụ truy cập trực tuyến vào các CSDL từ xa qua mạng Internet. Tiến tới để các cơ quan TT này trở thành điểm truy nhập, tạo nên một mạng rộng lớn các cơ quan TT và CSDL không biên giới nối kết với nhau. Từ đây mạng TT với công nghệ “cổng TT điện tử” (Portal) cho phép NDT từ bất cứ đâu cũng có thể truy cập tới TT. Như vậy, mạng TT tạo cơ hội để NDT vượt qua các trở ngại về địa lý, hành chính, vật lý để với tới TT.

Các cơ quan TT công lập do Nhà

nước thành lập ở Việt Nam sẽ nối kết qua mạng máy tính mà chúng sẽ truy nhập với các cơ quan TT và CSDL nước ngoài. Mạng các cơ quan TT KH&CN không biên giới này cần được triển khai theo chương trình riêng của Chính phủ, thực hiện theo Chỉ thị số 58 CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước”. NDT lúc đó có thể tiếp cận tới một số lượng lớn CSDL TT từ nhà, từ nơi làm việc của họ và từ các cơ quan TT trong mạng. TT được cung cấp cần đa dạng, bao gồm các mục lục, bảng tra cứu về các số liệu, dữ kiện và các tài liệu khác ở dạng số hoá, do các cơ quan TT trong nước và nước ngoài thực hiện. Nhà nước cần đầu tư cho việc thực hiện dự án này. Khi dự án này được thực hiện các cơ quan TT trong Hệ thống TT KH&CN ở Việt Nam sẽ nối kết với nhau, đảm bảo việc chia sẻ thông tin và NDT sẽ có cơ hội tiếp cận dễ dàng tới vốn tài liệu/dữ liệu của từng cơ quan TT trong hệ thống.

Việc xây dựng và đưa các trung tâm TT trên đây vào mạng của hệ thống trong quá trình hiện đại hoá hệ thống TT KH&CN quốc gia đòi hỏi phải mở rộng và bổ sung chức năng cho các trung tâm TT đã có, và cần phải:

- Xác định rõ chủ đề, loại hình tài liệu/dữ liệu;
- Thay đổi cơ cấu công nghệ;
- Xác định rõ các loại hình CSDL và

Nghiên cứu - Trao đổi

các loại nhiệm vụ hỗ trợ TT;

- Hình thành các phương thức hoạt động và trao đổi TT trên cơ sở nguyên tắc tích hợp của mạng.

2.4. Nội dung 4- Hình thành và phát triển thị trường thông tin trên cơ sở các sản phẩm và dịch vụ thông tin chất lượng cao

Trong xã hội hiện đại, TT là một nguồn lực và cũng là loại hàng hoá công (National Public Goods). Để tạo lập trong quốc gia một thị trường về TT, các cơ quan TT trong hệ thống phải đưa ra các sản phẩm với các tiêu thức của hàng hoá rõ rệt và được NDT chấp nhận thanh toán. Trong bối cảnh hiện nay, để TT thực sự trở thành nguồn lực phát triển và có giá trị hàng hóa, phải chuyển hoạt động TT từ vai trò truyền thống - từ người quản lý sách, tài liệu - sang người quản trị TT, và hơn nữa, quản trị tri thức. Cán bộ TT không chỉ cung cấp TT-tài liệu có sẵn, mà phải biết tạo ra TT giá trị gia tăng thông qua việc đánh giá nguồn tin, hiểu giá trị TT, làm được vai trò phản biện TT, thực hiện việc giám sát và hỗ trợ TT tới các quá trình hoạt động và ra các quyết định chuyên môn.

Kiên quyết sử dụng triết lý về định hướng thị trường và cách tiếp cận marketing đối với phần tạo ra các dịch vụ của cơ quan TT. Triết lý mới này là: các cơ quan TT cần tạo ra và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ nhằm thoả mãn các nhu cầu thường xuyên thay đổi

của người dùng. Cán bộ cơ quan TT chuyên nghiệp phải chú trọng đến chất lượng của các sản phẩm, các dịch vụ và tới nhu cầu đích thực của khách hàng (NDT của cơ quan TT). Tập trung vào nhu cầu của người dùng và các dịch vụ có chất lượng, cụ thể là:

- Giới thiệu các dịch vụ mới như các sản phẩm TT có giá trị gia tăng, tạo ra các kỹ năng định hướng vào TT và tri thức, các kênh cung ứng tài liệu mới và nhóm các hoạt động nhằm hỗ trợ việc đổi mới, quyết định, học tập,... thông qua sự tác động lẫn nhau trong môi trường TT;

- Giới thiệu các dịch vụ mới như bao gói và phân tích TT và các kênh cung ứng mới;

- Các cơ quan TT cần tạo ra môi trường tốt cho cộng đồng NDT tích cực như: nhà quản lý, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp;

- Các cơ quan TT cần tổ chức các hoạt động giao tiếp với công chúng NDT nhằm cung cấp thêm thông tin, quảng bá thương hiệu để xây dựng hình ảnh (uy tín) của cơ quan TT công lập;

- Cần tiến hành thường xuyên và có hệ thống việc đào tạo kỹ năng khai thác và sử dụng TT và thông báo cho NDT về lợi ích của các dịch vụ cơ quan TT;

- Thiết lập phí khai thác và sử dụng cho các sản phẩm và dịch vụ của cơ quan TT nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường thực. Tại các cơ quan TT công

Nghiên cứu - Trao đổi

lập, các dịch vụ cơ bản như: đọc và mượn tài liệu, tra cứu tin, tìm tin và khai thác TT trên mạng,... không phải trả tiền. Các dịch vụ bao gói, phân tích, đánh giá có giá trị gia tăng có thể thu tiền thì thu đúng giá đảm bảo đủ chi phí, hoặc theo giá thị trường;

- Chuyển các cơ quan TT công lập sang tổ chức KH&CN có thu, lấy chỉ tiêu giá trị, trong đó có mức độ thu hồi, làm thước đo đánh giá hiệu quả và chất lượng hoạt động của cơ quan TT.

2.5. Nội dung 5- Liên kết chặt chẽ với giới doanh nghiệp và cộng đồng

Cơ quan TT là bộ phận của cấu trúc xã hội, và do vậy, phải tham gia vào quá trình sáng tạo, đổi mới, học suốt đời của người dân. Các cơ quan TT trong hệ thống phải tích cực lôi kéo và cuốn hút các thành viên của các cơ quan, doanh nghiệp, cộng đồng vào sử dụng các sản phẩm và các dịch vụ của cơ quan TT.

Để thực hiện điều này, khi tái thiết kế hoặc thành lập mới cơ quan TT cần bố trí để cơ quan TT thật sự trở thành một bộ phận cơ cấu của các tổ hợp quản lý nhà nước, kinh tế - thương mại, văn hoá, giáo dục,... thay thế cho các ngôi nhà cơ quan TT độc lập như trước kia. Đồng thời chú trọng phát triển hoạt động TT bằng cách lồng ghép vào các chương trình phát triển KT-XH chung của quốc gia. Bằng cách đó, các hoạt động cơ quan TT có thể hoà nhập vào cuộc sống kinh tế-xã hội-văn hoá của

cộng đồng và tạo nên những thuận lợi nhất định. Khi xem xét các cơ quan TT với những thuận lợi về mặt xã hội, kinh tế như vậy thì chúng có thể mở rộng hoặc thu hẹp lại để đáp ứng yêu cầu luôn thay đổi. Việc hoạch định chính sách phát triển các cơ quan TT ở Việt Nam cần chú ý tới những công việc để đáp ứng các yêu cầu trên, bằng việc:

- Thiết lập mối liên kết có lợi với giới doanh nghiệp, các nhà khoa học và cộng đồng ở diện rộng nhằm lôi kéo ở mức tối đa sự tham gia của họ vào hoạt động của cơ quan TT;

- Mở rộng các điểm truy nhập TT tới các điểm TT tự động trong mạng. Các trạm khai thác này được phát triển rộng rãi trong các tổ chức:

+ Đơn vị TT tư liệu cơ sở (phòng, ban, tổ TT,...) ở các cơ quan, các cấp;

+ Các cơ quan hành chính sự nghiệp nhà nước;

+ Các trường đại học và cơ quan nghiên cứu - triển khai;

+ Các doanh nghiệp nhà nước;

+ Các tổ chức đoàn thể;

+ Các doanh nghiệp tư nhân;

+ NDT đơn lẻ.

- Bổ nhiệm người lãnh đạo cộng đồng (doanh nghiệp, nhà khoa học,...) vào hội đồng cơ quan TT. Sự tham gia của đại diện giới doanh nghiệp và cộng đồng vào việc lập kế hoạch và phát triển cơ quan TT từ nhiều phương diện như: phát triển vốn tài liệu và dịch vụ

Nghiên cứu - Trao đổi

của cơ quan TT, định giá cho các sản phẩm và dịch vụ TT,... sẽ tạo cơ sở cho cơ quan TT phát triển dựa trên nhu cầu thực sự của thị trường;

- Khuyến khích các khu vực tư nhân tài trợ, góp vốn đầu tư cho các tiện ích và chương trình của cơ quan TT;

- Động viên, khuyến khích mỗi cơ quan TT phát triển các đặc thù hướng tới các dịch vụ có tính bản địa, ví dụ TT địa chí của địa bàn.

2.6. Nội dung 6- Chủ động tương tác và hội nhập với thế giới để trao đổi thông tin và tri thức

Sự phát triển kinh tế Việt Nam trong tương lai phụ thuộc vào sự nhận biết và tận dụng các cơ hội hội nhập với quốc tế và thị trường đang nổi lên của khu vực ASEAN, Trung Quốc, Ấn Độ,... Kinh nghiệm thành công trong quá trình phát triển của các nước Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ, Singapo,... cho thấy, ngoài những hiểu biết văn hoá của nước mình họ còn hiểu rõ văn hoá của các nước khác. Hiện tượng kinh tế mới này trở thành một lực lượng song hành với các sức mạnh toàn cầu khác.

Với vị trí ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, để Việt Nam hội nhập thành công với các nước chúng ta cần phải trở thành một trung tâm trao đổi tri thức, cần nâng cao năng lực của mình trong việc thu thập, phân tích, bao gói và làm cho TT có thể sử dụng có ích vào công việc. Các cơ quan TT, kể cả

cơ quan TT nghề nghiệp (doanh nghiệp) phải đóng vai trò chủ yếu trong việc thu thập, tư liệu hoá và quản trị những TT như vậy. Các tổ chức TT có thể làm việc với các cơ quan chính phủ của Việt Nam ở nước ngoài (ví dụ, Đại sứ quán Việt Nam ở các nước), doanh nghiệp và các thực thể khác nhằm thu thập những TT đó. Cơ quan TT có thể cùng với đại diện thương mại ở các nước tương ứng tổ chức các cuộc hội thảo, cuộc tranh luận với các doanh nghiệp, giám đốc điều hành, người vạch chính sách và các nhà ngoại giao nhằm chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức ở thị trường nước ngoài:

- Các cơ quan TT về các lĩnh vực: KT-XH, KH&CN cũng như tổ chức TT của các doanh nghiệp có nhiệm vụ thúc đẩy việc hiểu biết rộng hơn, sâu hơn về các nền văn hoá, lịch sử và thực tiễn kinh doanh của các nước, đặc biệt là các nước trong khu vực. Trong quá trình hoạt động, từng cơ quan TT cần phát triển hơn nữa kho tài liệu về các nền văn hoá địa phương cũng như các nền văn hoá khu vực. Bằng cách đó, các cơ quan TT trong hệ thống quốc gia có thể thông báo cho công chúng, NDT biết về sự phát triển trong khu vực, phát triển các đặc tính văn hoá chung giữa các cộng đồng địa phương và giúp phát triển văn hoá của Việt Nam nhờ tận dụng những lợi ích trong quá trình trao đổi tri thức;

- Phát triển CSDL các doanh nghiệp

Nghiên cứu - Trao đổi

của người Việt ở nước ngoài, cung cấp các TT chi tiết về nhân sự, kinh nghiệm và tiểu sử của công ty;

- Đảm bảo sự tiếp cận tới các bộ sưu tập bản địa, các nguồn tin ở các nước đối tác;

- Tiếp thu và đánh giá tri thức về khu vực, về các đất nước và dân tộc nằm trong chiến lược hợp tác của nước ta thông qua cơ quan TT doanh nghiệp và các cơ quan TT khác;

- Mở rộng bộ sưu tập tổng hợp trong cơ quan TT công lập và các tổ chức TT doanh nghiệp nhằm thu thập TT về các nền văn hoá địa phương và khu vực, khuyến khích việc nghiên cứu, tìm hiểu các nền văn hoá, lịch sử và thực tiễn của khu vực;

- Cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng như cập nhật TT về môi trường kinh doanh của các nước đặc thù;

- Tiến hành trao đổi tri thức bằng việc thực hiện các dịch vụ dịch các bài báo thích hợp nhằm truyền bá trong cộng đồng doanh nghiệp theo yêu cầu thường xuyên hay yêu cầu tức thời;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng TT quốc gia đảm bảo việc tạo dựng một KGTT được kết nối trong toàn quốc nhằm làm tăng vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên quốc tế.

2.7. Nội dung 7- Tăng cường hoạt động quản lý nhà nước đối với hệ thống thông tin KH&CN quốc gia

Ở các mức độ khác nhau, Hệ thống

TT KH&CN quốc gia là một thực thể tồn tại ở tất cả các nước. Để thực thi hệ thống này cần phân biệt hai tuyến chỉ đạo:

- Chỉ đạo về mặt nghiệp vụ và phương pháp công tác;

- Chỉ đạo về mặt quản lý nhà nước đối với việc duy trì và phát triển KGTT và hệ thống TT quốc gia.

Tại nhiều nước, việc chỉ đạo về mặt nghiệp vụ được thực hiện thông qua hội đồng của hệ thống, trong đó, cơ quan TT đầu ngành đóng vai trò chủ chốt (trường hợp Ấn Độ, Thái Lan,...).

Việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với hoạt động TT nói chung và hệ thống TT quốc gia nói riêng được giao cho một Bộ, như ở nước ta là Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ở nước ta, đến nay, phần lớn các nguồn lực TT đều được hình thành trên cơ sở sử dụng ngân sách của Nhà nước. Như vậy, Nhà nước là chủ sở hữu của phần tài nguyên thông tin này, và do vậy, Nhà nước còn có trách nhiệm rất lớn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình để phát triển, sử dụng và khai thác có hiệu quả các nguồn TT này phục vụ cho phát triển đất nước. Tuy nhiên, theo chiều hướng phát triển chung, Nhà nước cần có các chính sách để từng bước xã hội hoá hoạt động này. Trong bối cảnh đó, Bộ KH&CN cần tăng cường và đổi mới cơ chế và nội dung quản lý đối với hoạt động TT. Cơ quan quản lý nhà nước

Nghiên cứu - Trao đổi

cần sử dụng các phương tiện:

- Các văn bản pháp quy;
- Các tài liệu quy phạm;
- Dự án nhà nước đầu tư trực tiếp;
- Dự án nhà nước tài trợ;
- Các cơ chế để huy động và đa dạng nguồn vốn cho hoạt động TT;
- Tổ chức xây dựng và phê chuẩn các chiến lược, chính sách, các dự án lớn phát triển hệ thống TT.

Trong quá trình thực hiện quản lý nhà nước cần thay đổi phương thức kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động TT, sử dụng các nguồn lực được Nhà nước đầu tư cho hoạt động của hệ thống.

Việc thực hiện những biện pháp có tính chiến lược trên đây sẽ tạo đà cho các cơ quan TT Việt Nam phát triển mạnh và trở thành những cơ quan TT hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Cuối cùng, để khắc phục hiện tượng cát cứ về TT, sự trì trệ và còn nhiều yếu kém của ngành TT trong thời gian qua, chúng ta cần tạo cơ chế thực hiện với sự tham gia của nhiều cơ quan (multiagency participation) như có sự kết hợp của Bộ KHCN với các Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ.

Tài liệu tham khảo

1. Boist, M.H (1995). Information Space: A framework for learning in organizations, institutions and culture. London.
2. Grieves.M. (1998). Information Policy in the Electronic Age. Browker., 270p.
3. UNESCO's general Information Programme: The Characteristics, Activities and Accomplishment.- Information Development, 1988, Vol. 4, pp 208-238.
4. Gray, J. (1988). National information Policies: Problems and Progress. London.
5. Montviloff V (1990). National information Policies. Hanbook on the formulation, approval, implementation and operation of Information Policy. Paris, Unesco.
6. Moore N, (1993). Information Policy and strategic development: a framework for the analysis of policy objectives.- Aslib Proceedings, 45, 280-285.
7. Phan Đình Diệu (1995). Chương trình phát triển CNTT và việc phát triển kinh tế ở nước ta. Hội thảo quốc gia về kinh tế thông tin trong Chương trình công nghệ thông tin. Hà Nội,
8. Chỉ thị số 58 CT/TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước".
9. Đề án tin học hoá quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001 - 2005 (Ban hành kèm theo Quyết định số 112/2001/QĐ-TTg ngày 25/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ).
10. Kedrovskii O.V. (1998). Nguồn lực thông tin và chính sách thông tin. TC Thông tin KH&CN, Số 7 (tiếng Nga)
11. Nguyễn Hữu Hùng. (2001). Tập bài giảng về Chiến lược và Chính sách Thông tin. H.,
12. Nguyễn Hữu Hùng (2005). Thông tin: Từ lý luận tới thực tiễn. H: Văn hóa & thông tin, 835 tr.
13. Nguyễn Hữu Hùng (1998). Một số quan điểm về xây dựng chính sách quốc gia về thông tin trong thời kỳ CNH, HĐH. Kỷ yếu Hội thảo khoa học. H.
14. Phinko. O. Phát triển không gian thông tin nước Nga. TC Nguồn lực thông tin Nga, 1998, Số 3 (tiếng Nga)

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-10-2013; Ngày phản biện đánh giá: 18-11-2013; Ngày chấp nhận đăng: 18-12-2013).